

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~3861~~ /GDĐT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~10~~ tháng ~~11~~ năm 2016

Về báo cáo công tác quy hoạch
phát triển mạng lưới trường học tại
24 quận, huyện.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân 24 Quận, Huyện.

Căn cứ Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Thành phố Hồ Chí Minh và công văn số 483/UBND-ĐTMT ngày 27/01/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06/01/2014 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020; (sau đây gọi tắt là Quyết định 02/2003/QĐ-UB);

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020, đến cuối năm 2020, có 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi từ 3 tuổi đến 18 tuổi (kể cả người dân không có hộ khẩu thường trú hoặc KT3);

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường học theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB;

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện rà soát, báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường học theo quyết định số 02/2003/QĐ-UB và giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030 (theo Đề cương đính kèm văn bản). Thời hạn báo cáo **trước thứ sáu, ngày 18/11/2016**, hồ sơ gồm 02 bộ và file mềm gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 66-68 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1./.

(file mềm đề nghị gửi vào địa chỉ email: ptphong.sgddt@tphcm.gov.vn, folder ghi rõ tên quận, huyện). *ML*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP.UBND TP.HCM “ Để báo cáo”;
- Phòng GD&ĐT 24 Quận, Huyện;
- Lưu (VP. KHTC). *ML*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Hoài Nam
Lê Hoài Nam

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC QUẬN (HUYỆN) ____ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN (HUYỆN) ____ GIAI ĐOẠN 2015-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC QUẬN (HUYỆN) _____ :

(Hệ thống văn bản pháp luật mà Quận huyện đã ban hành, đánh giá về thực trạng triển khai công tác quy hoạch mạng lưới trường học).

1. Chỉ tiêu diện tích đất dành cho phát triển ngành giáo dục và đào tạo quận (huyện)_____ theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Stt	Bậc học	Chỉ tiêu giao đất năm 2020 (m ²)	Trong đó chỉ tiêu đất năm 2015 (m ²)	Ghi chú
	Tổng cộng:			
	Trong đó :			
1	Mầm non			
2	Tiểu học			
3	Trung học cơ sở			
4	Trung học phổ thông			

2. Kết quả đạt được:

(Phân tích đánh giá các chỉ tiêu đất giáo dục. Điều chỉnh, bổ sung thêm đất có tính khả thi hay thiếu tính khả thi.).

2.1. Diện tích đất (m²) dành cho phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Stt	Bậc học	Hiện trạng đất giáo dục hiện có. (m ²)	Tỷ lệ so với chỉ tiêu đất năm 2020 (%).
	Tổng cộng :		
	Trong đó :		
1	Mầm non		
2	Tiểu học		
3	Trung học cơ sở		

4	Trung học phổ thông		
---	---------------------	--	--

2.2. Công tác đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp, xây dựng mới trường học từ năm 2003 đến năm 2016: (Năm 2016 tính đến thời điểm 31/12/2016).

1) Số dự án:

Đơn vị tính: Dự án.

STT	Năm	Tổng cộng	Trong đó					
			MN	TH	THCS	THPT	GDTX	Khác (Trường BDGD, Chuyên biệt...)
1	2003							
2	2004							
3	2005							
4	2006							
5	2007							
6	2008							
7	2009							
8	2010							
9	2011							
10	2012							
11	2013							
12	2014							
13	2015							
14	2016							
TỔNG CỘNG:								

2) Số phòng xây mới:

Đơn vị tính: Phòng xây mới.

STT	Năm	Tổng cộng	Trong đó					
			MN	TH	THCS	THPT	GDTX	Khác (Trường BDGD, Chuyên biệt...)
1	2003							
2	2004							
3	2005							
4	2006							
5	2007							
6	2008							
7	2009							
8	2010							

9	2011							
10	2012							
11	2013							
12	2014							
13	2015							
14	2016							
	TỔNG CỘNG:							

b) Kinh phí:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Năm	Tổng kinh phí	Trong đó nguồn:			
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Quận, Huyện	Kích Cầu	Xã hội hóa
1	2003					
2	2004					
3	2005					
4	2006					
5	2007					
6	2008					
7	2009					
8	2010					
9	2011					
10	2012					
11	2013					
12	2014					
13	2015					
14	2016					
	TỔNG CỘNG:					

2.4. Nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm:

(Thuận lợi và các giải pháp tích cực; sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, ban ngành, đoàn thể, nhân dân và các đơn vị Trung ương và địa phương).

b) Tồn tại và bất cập:

(Đánh giá về những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác quy hoạch mạng lưới trường qua đó làm rõ nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch mạng lưới trường học trên địa bàn quận, huyện.)

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN (HUYỆN) GIAI ĐOẠN 2015-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.

1. Chỉ tiêu quỹ đất dành cho phát triển giáo dục và đào tạo quận (huyện) _____ từ năm 2015 đến năm 2020:

Đơn vị tính: Ha.

Stt	Bậc học	Chỉ tiêu giao đất năm 2020 (m ²)	Trong đó chỉ tiêu đất năm 2015 (m ²)	Hiện trạng đất giáo dục hiện có. (m ²)	Yêu cầu quỹ đất cần phải bổ sung (m ²)
	Tổng cộng :				
	Trong đó :				
1	Mầm non				
2	Tiểu học				
3	Trung học cơ sở				
4	Trung học phổ thông				

2. Nhu cầu số phòng học phải xây dựng mới đảm bảo tiêu chí 300 phòng học / 10.000 dân trong độ tuổi từ 3 tuổi đến 18 tuổi đến cuối năm 2020: (Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015_2020).

2.1. Dự báo qui mô dân số độ tuổi:

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Dân số độ tuổi 3-5						
	Trong đó: 5 tuổi						
2	dân số độ tuổi 6 - 10						
	Trong đó: 6 tuổi						
3	Dân số độ tuổi 11-14						
4	Dân số độ tuổi 15-18						

2.2. Nhu cầu số phòng học xây dựng mới đến cuối năm 2020 để đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020:

STT	Cấp học, bậc học	Số phòng học hiện có (Tính đến NH 2016-2017)	Số phòng học cần có NH 2020-2021	Số phòng học tăng thêm để đạt chỉ tiêu.	Ghi chú

3. Kế hoạch đầu tư, phát triển cơ sở vật chất trường lớp giai đoạn 2020-2030:

3.1. Dự báo dân số:

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Dân số độ tuổi 3-5										
	Trong đó: 5 tuổi										
2	dân số độ tuổi 6 - 10										
	Trong đó: 6 tuổi										
3	Dân số độ tuổi 11-14										
4	Dân số độ tuổi 15-18										

3.2. Nhu cầu số phòng học xây dựng mới đến cuối năm 2030:

Tổng số phòng học xây dựng mới : phòng.

Trong đó :

Mầm non: phòng.

Tiểu học : phòng.

THCS : phòng.

THPT : phòng.

4. Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 -20320:

STT	Cấp học, bậc học	Địa điểm	Diện tích (m2)	Quy mô			Tổng mức đầu tư	Thời gian KC-HT	Ghi chú
				Tổng số phòng học	Trong đó				
					Sửa chữa, nâng cấp	Thay thế			
	Mầm non								
	...								
	Tiểu học								
	...								
	Trung học cơ sở								
	...								
	Trung học phổ thông.								

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

(Những nội dung, đề xuất và kiến nghị các giải pháp tăng quỹ đất giáo dục và vấn đề cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung Quyết định 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố, điều chỉnh bổ sung tăng thêm số lượng trường lớp đảm bảo thực hiện quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Địa phương giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030).

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)